**Câu 6 điểm**

**Câu 1: Vấn đề cơ bản của triết học là gì? Phân tích nội dung vấn đề cơ bản của triết học?**

\*Khái niệm:Vấn đề cơ bản của triết học

-Theo Ăngghen , vấn đề cơ bản của triết học ,đặc biệt là triết học hiện đại ,là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay còn được biết tới là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất).

-Nội dung vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề cơ bản của triết học gồm 2 mặt:

+Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi ‘’vật chất và ý thức ,cái nào có trước, cái nào có sáu,cái nào quyết định cái nào?’’.Để trả lời cho câu hỏi này có 3 cách .Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất là cái có trước và quyết định ý thức. Ngược lại,chủ nghĩa duy tâm lại cho rằng, ý thức có trước, ý thức quyết định vật chất. Các nhà triết học theo trường phái nhị nguyên lại cho rằng vật chất và ý thức là  tồn tại độc lập , không nằm trong mối quan hệ quyết định lẫn nhau.

+Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi ‘’con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không ?’’ .Câu hỏi này có 2 cách trả lời .Các nhà triết học cho rằng khả tri cho rằng con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới, trong khi các nhà triết học bất khả tri lại cho rằng con người không có khả năng nhận thức được thế giới, hoặc chỉ có thể nhận biết được hiện tượng bên ngoài mà không thể nắm được bản chất bên trong.

\*Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay giữa ý thức và vật chất)và vấn đề cơ bản của triết học: Trong thế giới có vô vàn sự vật hiện tượng khác nhau nhưng tựu chung lại chỉ có 2 hiện tượng chính đó là hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ bao trùm lên toàn bộ thế giới. Vì vậy, giải quyết mối quan hệ này là cơ sở nền tảng để giải quyết những vấn đề của triết học .Hơn nữa, giải quyết mối quan hệ này cũng là cơ sở phân định lập trường tư tưởng ,thế giới quan của các nhà triết học cũng như các học thuyết của họ. Tất cả các nhà triết học đều trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết mối quan hệ này.

**Câu2. Tại sao nói triết học Mác ra đời là một tất yếu lịch sử?**

\*Nói sự ra đời của triết học mác là 1 tất yếu lịch sử, bởi xét tới điều kiện kinh tế-xã hội, thực tiễn lý luận và các tiền đề khoa học tự nhiên của chủ nghĩa mác.

\* Điều kinh tế -xã hội : chủ nghĩa mác ra đời vào những năm 40 của thế kỷ 19, đây là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở các nước tây âu phát triển dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội và hàng loạt cuộc đấu tranh nổ ra ở châu âu.Đó Là Bằng Chứng lịch sử thể hiện giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng tiên phong trong đấu tranh cho nền dân chủ, công bằng xã hội. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản đã đặt ra yêu cầu khách quan là nó phải được soi sáng bằng lý luận khoa học. Chủ nghĩa mác ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu khách quan đó.

\*Thực tiễn lý luận: để xây dựng nên chủ nghĩa mác nói chung và triết học mác nói riêng, chủ nghĩa mác sử dụng hệ thống thực tiễn lý luận và tiền đề là:

-Triết học cổ điển đức: (georg wilhelm friedrich hegel và ludwig andreas feuerbach) mác thừa kế phép biện chứng của hegel trên cơ sở lọc bởi các yếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồng thời thừa kế các quan điểm duy vật tiến bộ của feuerbach.

-Kinh tế-chính trị cổ điển anh (adam smith và David ricardo). Mác Thừa Kế các quan điểm kinh tế tiến bộ, đặc biệt là học thuyết về giá trị của adam smith và David ricardo để làm cơ sở xây dựng các quan điểm duy vật về lịch sử , xã hội.

-Chủ nghĩa xã hội không tưởng pháp: mác thừa kế các tư tưởng tiến bộ về xã hội của saint simon và charles fourier để biến chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học

\*Tiền đề khoa học tự nhiên: Đây là tiền đề để xây dựng và củng cố hệ thống tư tưởng duy vật: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng ,học thuyết tế bào và học thuyết tiến hóa.

**Câu3**: **Phân tích định nghĩa vật chất của Lênin và rút ra ý nghĩa khoa học của định nghĩa?**

\*Các quan điểm trước mác về vật chất

-Thời cổ đại: đây là thời khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức con người còn hạn chế, cho nên các nhà triết học nhận thức về thế giới 1 cách trực quan cảm tính. Họ đồng nhất vật chất với nước, lửa, không khí,‘’nguyên tử’’.

-Vào thế kỉ 17,18: Đây là thời kì cơ học cổ điển của newton thịnh hành phát triển, các nhà triết học đề cao vai trò của khối lượng, nên họ đồng nhất vật chất với khối lượng.

\*Định nghĩa vật chất của lênin:

-Vật chất là 1 phạm trù triết học để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác.

\*Định nghĩa vật chất của lênin bao gồm những nội dung cơ bản sau:

+Vật chất là 1 phạm trù triết học: là vật chất được nhận thức dưới góc độ triết học chứ không phải các nhà khoa học cụ thể. Hơn nữa, đây là nhận thức dưới hình thức phạm trù, nghĩa là chỉ ra cái đặc trưng, những thuộc tính căn bản phổ biến của vật chất.

+Vật chất chỉ thực tại khách quan: là tất cả những gì tồn tại bên ngoài độc lập ý thức con người, dù con người nhận thức được hoặc chưa nhận thức được.

+Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp hay trực tiếp tác động lên giác quan của con người, ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất, còn vật chất là cái được ý thức phản ánh.

\*Ý nghĩa của định nghĩa:

+Giải quyết triệt để 2 mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng.

+Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật siêu hình.

+Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộc về vật chất và những gì không là vật chất, tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về xã hội.

**Câu 4: Tại sao vận động là phương thức tồn tại của vật chất?**

Sự vận động là mọi sự biến đổi nói chung của sự vật, hiện tượng trong tự  nhiên và đời sống xã hội.

Mọi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động. Bằng sự vận động và thông qua sự vận động mà các sự vật, hiện tượng tồn tại và thể hiện đặc tính của mình. Không thể có vật chất mà không có vận động và ngược lại.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, vận động của các vật chất là tự thân vận động, bởi vì tất cả các dạng vật chất đều là một kết cấu vật chất  bao gồm các yếu tố, các mặt, các quá trình liên hệ , tác động qua lại với nhau. Chính sự tác động đó đã dẫn đến sự biến đổi nói chung, tức là vận động. Quan điểm này đối lập với quan điểm duy tâm, siêu hình về vận động đi tìm nguồn gốc của vận động ở thần linh hoặc ở chủ thể nhận thức.

Vận động là hình thức tồn tại của vật chất nên các dạng vật chất được nhận thức thông qua sự vận động của chúng.

Vận động là một thuộc tính sở hữu của vật chất nên nó không do ai sáng tạo và cũng không thể tiêu diệt được. Nguyên lý này được chứng minh bằng định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.

**Câu 5. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc và bản chất của ý thức?**

\*Nguồn gốc của tự nhiên:

-Bộ não người và ý thức: ý thức là thuộc tính của 1 dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc.

-Phản ánh: là thuộc tính chung với mọi dạng vật chất phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này lên dạng vật chất khác, có 3 hình thức phản ánh:

+Phản ánh lý hóa là đặc trưng cho các dạng vật chất vô sinh.

+Phản ánh sinh vật đặc trưng cho các dạng vật chất hữu sinh, được thể hiện thông qua 3 trình độ cơ bản: tính kích thích, tính cảm ứng và tính tâm lý.

+Phản ánh ý thức: hình thức đặc trưng riêng chỉ có ở con người, ý thức là 1 sự phản ánh của 1 dạng vật chất có tổ chức cao vào trong bộ não con người. Ý thức phản ánh thế giới vật chất vào bộ não người 1 cách năng động, sáng tạo.

-Do đó, bộ não người, cùng với thế giới bên ngoài tác động của bộ não người, đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

\*Nguồn gốc xã hội: thông qua các quá trình lao động, sản xuất, bô não con người dần hoàn thiện, khả năng phản ánh ngày càng phát triển, đồng thời thông qua các quá trình lao động, ngôn ngữ được hình thành.

\*Ngôn ngữ là phương thức để truyền tải thông tin, lưu giữ thông tin. Đặc Biệt, ngôn ngữ có khả năng khái quát hóa các tri thức của con người. Nếu không có ngôn ngữ thì không có ý thức.

Do đó, nguồn gốc trực tiếp quyết định sự hình thành của ý thức là quá

trình lao động, sản xuất và hoạt động thực tiễn của con người. Đó Chính Là nguồn gốc xã hội của ý thức.

\*Bản chất của ý thức: ý thức là phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

-Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh ý thức: thể hiện khả năng hoạt động tâm sinh lý của con người trong việc người tiếp nhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới, tưởng tượng ra cái không có thực trong thực tế, tiên đoán và dự báo tương lai…

\*Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan: ý thức là hình ảnh về thế giới khách quan quyết định cả về hình thức và nội dung, sống nó không còn y nguyên như thế giới khách quan. Theo mác, ý thức chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong bộ não người và được bộ não cải biến đi ở trong đó.

\*Ý thức là 1 hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội: sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, xã hội. Với tính năng động, ý thức sáng tạo lại thực hiện theo nhu cầu của thực tiễn.

**Câu 6: Phân tích cơ sở lý luận của Nguyên tắc Toàn diện ? ĐCSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào trong thời kỳ đổi mới?**

\*Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể chính là nguyên lý và mối liên hệ phổ biến.

\*Mối liên hệ dùng để chỉ sự quyết định sự tác động , chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sinh vật, hiện tượng trong thế giới.

\*Mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật hiện tượng của thế giới , đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở với mọi sinh vật hiện tượng của thế giới. Đó là các mối liên hệ giữa các mặt đối lập, chất và lượng, khẳng định và phủ định,…

\*Tích chất của các mối liên hệ:

-Tính khách quan : với mọi mối liên hệ của các sự vật , hiện tượng là khách quan , là cái vốn có của sự vật hiện tượng, con người chỉ nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.

-Tính phổ biến: mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện: 1,Bất cứ sự vật nào cũng liên hệ với sự vật hiện tượng khác

2,Bất cứ sự vật hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấu thành những mối liên hệ bên trong của nó.

-Tính đa dạng, phong phú: sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có mối liên hệ khác nhau, giữa vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặt khác, cùng là 1 mối liên hệ nhất định, ở những gia đình khác nhau thì cũng có những tính chất vai trò khác nhau.

\*Ý nghĩa phương pháp luận:Từ nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến rút ra được quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể:

-Quan điểm toàn diện đòi hỏi trong nhận thức và xử lý các tình huống thực tiễn, cần xem xét sự vật hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chín sự vật.

- Để phát triển đất nước, Đảng ta chủ trương phát triển tất cả các mặt của đời

sống xã hội, kinh tế, chính trị...đồng thời phải thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế

quốc tế một cách đa dạng

- Đảng ta chủ trương khuyến khích phát triển tất cả các vùng miền dựa trên

cơ sở đặc thù của các vùng.

**Câu 7: Phân tích cơ sở lý luận của Nguyên tắc Phát triển? ĐCSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào trong thời kỳ đổi mới?**

\*Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển chính là nội dung nguyên lý về sự

phát triển.

\*Khái niệm sự phát triển:

- Quan điểm siêu hình cho rằng: phát triển chỉ là sự tang giảm đơn thuần về

mặt số lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật, đồng thời, coi sư phát triển

là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co phức tạp.

- Quan điểm duy vật biện chứng: khái niệm phát triển dùng đê chỉ quá trình

vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ

kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

\*Tính chất cơ bản của sự phát triển:

- Tính khách quan của sự phát triển biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận

động và phát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản than sự vật, hiện tượng; là quá

trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó.

- Tính phổ biến của sự phát triển được thể hiện ở các quá trình phát triển

diễn ra ở mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hôi, tư duy; trong tất cả mọi sự vật, hiện tượng

và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó.

- Tính đa dạng, phong phú của phát triển: Mỗi sự vật, hiện tượng có quá

trình phát triển khác nhau. Tồn tại ở không gian, thời gian khác nhau, sự vật phát

triển sẽ khác nhau.

- Tính kế thừa: kế thừa cái cũ có chọn lọc và phát triển dựa trên cái cũ cho

phù hợp với thực tiễn.

\*Ý nghĩa phương pháp luận:

- Quan điểm phát triển đòi hỏi phải khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định

kiến, đối lập với sự phát triển.

- Quan điểm phát triển đòi hỏi nhận thức và giải quyết bất cứ vấn đề gì trong

thực tiễn. Một mặt, cần phải đặt sự vật hiện tượng theo khuynh hướng đi lên của

nó; mặt khác, con đường của sự phát triển là một quá trình biện chứng, cần phải có

quan điểm lịch sử- cụ thể trong việc nhận thức và giải quyết vấn đề của thực tế.

\*Trong thời kì đổi mới, Đảng ta đã vận dụng quan điểm đó như sau:

- Để phát triển đất nước, Đảng ta đã chủ trương, khuyến khích phát triển tất

cả các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và phát

triển với các ưu đãi về thuế, thuê mặt bằng, hạ tầng...

- Khuyến khích phát triển tất cả các mặt của đời sống xã hội.

**Câu 8: Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù cái chung và cái riêng? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu cặp phạm trù này?**

\*Các khái niệm:

- Cái chung là một phạm trù triết học, dùng để chỉ những mặt, những thuộc

tính chung không những có ở một kết cấu vật chất nhất định mà còn được lặp lại

trong nhiều sự vật, hiện tượng riêng lẻ khác. VD

- Cái riêng là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự vật, hiện tượng hay một

quá trình riêng lẻ nhất định.VD

- Cái đơn nhất là một phạm trù dùng để chỉ những nét, những mặt, những

thuộc tính... chỉ tồn tại ở một sự vật, hiện tượng nào đó mà không lặp lại ở các sự

vật, hiện tượng khác.VD

\*Mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng: cái chung, cái riêng và

cái đơn nhất đều tồn tại khách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau.Mối quan

hệ đó thể hiện qua các điểm sau:

- Thứ nhất, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua các cái riêng mà

biểu hiện sự tồn tại của mình. Không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái

riêng.

- Thứ 2, cái riêng chỉ tồn tại trong quan hệ với cái chung, không có cái riêng

nào tồn tại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.

- Thứ ba, cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài những

điểm chung, cái riêng còn có cái đơn nhất.

- Thứ tư, cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộc

tính,những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùng loại. Do vậy,

cái chung là cái gắn liền với bản chất, quy định phương hướng tồn tại và phát triển

của cái riêng.

- Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát

triển của sự vật:

+ Sự chuyển hóa từ cái đơn nhất thành cái chung là biểu hiện quá trình

cái mới ra đời thay thế cái cũ.

+ Sự chuyển hóa từ cái chung thành cái đơn nhất là biểu hiện quá trình

cái cũ, cái lỗi thời bị phủ định.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

- Muốn biết được cái chung, cái bản chất thì phải xuất phát từ cái riêng, từ

những sự vật, hiện tượng riêng lẻ.

- Nhiệm vụ của nhận thức là phải tìm ra cái chung và trong hoạt động thực

tiễn phải dựa vào cái chung để cải tạo cái riêng. Mặt khác phải cụ thể hóa cái chung

trong mỗi hoàn cảnh cụ thể.

- Trong hoạt động thực tiễn, nếu thấy sự chuyển hóa nào có lợi thì ta cần chủ

động tác động vào để nó nhanh chóng trở thành hiện thực.

VD: Cùng là sinh viên K64 ĐHBKHN nhưng bạn A chọn đi làm thêm để tích

lũy kinh nghiệm, kiểm thêm thu nhập trang trải cuộc sống sinh viên, con bạn B tập

trung hầu hết thời gian vào học tập.

Cái chung: sinh viên K64

Cái riêng: bạn A ...............

**Câu 9: Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù Nguyên nhân và Kết quả? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu cặp phạm trù này?**

\*Khái niệm:

-Nguyên nhân: phạm trù chỉ là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất định nào đó.

-Kết quả: là những biến đổi do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.

\*Phân biệt nguyên nhân với nguyên cớ, điều kiện, kết quả với hậu quả:

-Nguyên cớ: là những sự vật hiện tượng xuất hiện đồng thời với nguyên nhân nhưng nó chỉ là quan hệ bên ngoài, ngẫu nhiên chứ không sinh ra kết quả.

-Điều kiện: là những sự vật gắn liền với nguyên nhân, tác động vào nguyên nhân, làm cho nguyên nhân phát huy tác dụng. Điều kiện không trực tiếp sinh ra kết quả.

-Cả kết quả và hậu quả là do nguyên nhân sinh ra nhưng những gì có lợi cho con người gọi là kết quả, những gì có hại cho con người gọi là hậu quả.

\*Tính chất của mối quan hệ nhân quả:

-Tính khách quan: mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không tồn tại ý thức con người.

-Tính phổ biến: với mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra, dù nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa.

-Tính tất yếu: với 1 nguyên nhân nhất định, trong những điều kiện nhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật hiện tượng.

-Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúng đắn.

-Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm mục tính đã đề ra.

**Câu 10: Phân tích nội dung quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này?**

\*Vai trò của quy luật: chỉ ra cách thức, phương thức của sự vận động, phát triển các quy luật, hiện tượng.

\*Các khái niệm:

-Chất: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật hiện tượng là thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành có, phân biệt nó với các khác.

-Lượng: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện, số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động và phát triển của sự vật.

-Thuộc tính: chỉ những đặc điểm, tính chất của sự vật.

-Độ: là phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trong đó có sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản, bản chất của sự vật, hiện tượng.

-Điểm nút: là thời điểm mà tại đó diễn ra sự thay đổi về chất.

-Bước nhảy: là sự chuyển hóa trong quá trình của sự vật, hiện tượng chất cũ mất đi mà chất mới ra đời.

\*Nội dung quy luật:

a,Lượng biến đổi dần dần dẫn đến sự thay đổi về chất: lượng thay đổi dần dần – vượt qua giới hạn quá độ - tại điểm nút dẫn đến làm chất cũ mất đi, chất mới ra đời, chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới –Lượng mới tích lũy vượt mức giới hạn độ đến tại điểm nút đen chất

mới… quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành phương thức cơ bản, phổ biến của các quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

b,Khi chất mới ra đời lại có sự tác động trở lại lượng của sự vật: chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới biểu hiện trên phương diện làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu vận động và phát triển của sự vật, làm thay đổi giới hạn độ, điểm nút, tạo ra những biến đổi mới và lượng của sự vật.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải coi trọng cả 2 phương diện chất và lượng của sự vật.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải chống 2 khuynh hướng tả khuynh và tư tưởng hữu khuynh.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy.

**Câu 11: Phân tích nội dung quy luật thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập ? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này?**

Quy luật này được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy  vật, bởi nó nghiên cứu về nguồn gốc chung của quá trình vận  động và phát triển, đó chính là mâu thuẫn.

∙ Các khái niệm của quy luật:

- Khái niệm các mặt đối lập: là những mặt, những thuộc tính,  khuynh hướng trái ngược nhau tồn tại khách quan trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Ví dụ: trong nguyên tử có điện tích (-) và (+)

- Khái niệm thống nhất giữa các mặt đối lập: dùng để chỉ sự liên  hệ, ràng buộc, không tách rời nhau, quy định lẫn nhau của các  mặt đối lập, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề để tồn tại.

- Khái niệm mâu thuẫn: để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh  và chuyển hóa giữa các mặt đối lập của mỗi sự vật, hiện tượng. - Khái niệm đấu tranh của các mặt đối lập: dùng để chỉ khuynh  hướng tác động qua lại, bài trừ, phủ định lẫn nhau của các mặt  đối lập.

∙ Các tính chất chung của mâu thuẫn:

- Mâu thuẫn có tính khách quan và tính phổ biến - Mâu thuẫn có tính đa dạng, phong phú thể hiện ở chỗ, mỗi sự vật, hiện tượng, quá trình bao hàm nhiều loại mâu thuẫn khác  nhau.

- Mỗi mâu thuẫn giữ vai trò khác nhau trong sự vận động, phát  triển của sự vật. Trong các lĩnh vực khác nhau thì mâu thuẫn  cũng khác nhau

∙ Quá trình vận động của mâu thuẫn:

- Trong mỗi mâu thuẫn, mặt đối lập vừa thống nhất với nhau,  vừa đấu tranh với nhau

+ Thống nhất các mặt đối lập là tương đối, tạm thời, là tiền đề để cho đấu tranh diễn ra

+ Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối, trong sự thống nhất đã có đấu tranh.

- Sự tác động qua lại dẫn đến chuyển hóa của các mặt đối lập là  1 quá trình. Khi 2 mặt đối lập của mâu thuẫn xung đột gay gắt  và khi điều kiện đã chín muồi thì chúng sẽ chuyển hóa lẫn nhau  và mâu thuẫn được giải quyết. Mâu thuẫn cũ mất đi, mâu thuẫn  mới được hình thành. Quá trình tác động, chuyển hóa giữa 2

mặt đối lập lại tiếp diễn, làm cho sự vật, hiện tượng luôn luôn  vận động và phát triển. Bởi vậy, sự liên hệ, tác động và chuyển  hóa giữa các mặt đối lập là nguồn gốc, là động lực của sự phát  triển. Lê nin đã khẳng định: “ sự phát triển là 1 cuộc đấu  tranh giữa các mặt đối lập”.

∙ Ý nghĩa phương pháp luận:

- Trong hoạt động thực tiễn và nhận thức phải tôn trọng mâu  thuẫn, phân tích đầy đủ các mặt đối lập, nắm được bản chất,  khuynh hướng của sự vận động, phát triển.

- Phân loại mâu thuẫn, phân tích cụ thể từng loại mâu thuẫn để có phương pháp giải quyết phù hợp.

**Câu 12: Thực tiễn là gì? Phân tích vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức?**

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

\*Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:

a,Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:

-Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó không tự bộc lộ các thuộc tính, nó chỉ hoạt động khi con người tác động vào bằng hoạt động thực tiễn, tức là thực tiễn phải là điểm xuất phát, cơ sở trực tiếp hình thành nên quá trình nhận thức.

-Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trình vận động của nó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thực tiễn.

b,Thực tiễn là mục đích của nhận thức:

Những tri thức con người đạt được trong quá trình nhận thức phải áp dụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thông qua thực tiễn. Đó là sự vật chất hóa những quy luật, tính tất yếu đã nhận thức được. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các ngành khoa học.

c,Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra những chân lý, tức là kiểm tra đúng sai của các tri thức mới:

Những tri thức mới, thông qua nhận thức con người có được, để kiểm tra tính đúng đắn của nó, phải dựa vào thực tiễn. Thực tiễn chính là thước đo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điều chỉnh,sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

**Câu 13: Lênin viết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, nhận thức thực tại khách quan”. Anh (chị) phân tích luận điểm trên và rút ra ý nghĩa của nó?**

\*Các giai đoạn của nhận thức:

-Nhận thức cảm tính (nhận thức trực tiếp/ trực quan sinh động) bao gồm:

+Cảm giác: là hình ảnh 1 vài thuộc tính sơ khai, đơn lẻ của đối tượng nhận thức tác động vào giác quan của con người.+Tri giác: là hình ảnh tương đối toàn vẹn về sự vật, là tổng hợp cảm giác nhưng có hệ thống, đầy đủ, phong phú.

+Biểu tượng: là hình ảnh được con người tái tạo, lưu giữ khi đối tượng nhận thức không còn tác động trực tiếp vào giác quan của con người –là hình thức phản ánh cao nhất trong nhận thức cảm tính.

-Nhận thức lý tính (nhận thức gián tiếp/ tư duy trừu tượng) bao gồm:

+ Khái niệm: là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật. Sự hình thành khái niệm là kết quả của sự khái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay lớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thường xuyên vận động và phát triển. Khái niệm có vai trò rất quan trọng trong nhận thức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duy khoa học.

+ Phán đoán: là hình thức tư duy trừu tượng, liên kết các khái niệm với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính của đối tượng. Thí dụ: "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng" là một phán đoán vì có sự liên kết khái niệm "dân tộc Việt Nam" với khái niệm"anh hùng". Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoán được phân chia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phán đoán đặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim

loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thể hiện sự phản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng.

Nếu chỉ dừng lại ở phán đoán thì nhận thức chỉ mới biết được mối liên hệ giữa cái đơn nhất với cái phổ biến, chưa biết được giữa cái đơn nhất trong phán đoán này với cái đơn nhất trong phán đoán kia và chưa biết được mối quan hệ giữa cái đặc thù với cái đơn nhất và cái phổbiến.Chẳng hạn qua các phán đoán thí dụ nêu trên ta chưa thể biết ngoài đặc tính dẫn điện giống nhau thì giữa đồng với các kim loại khác còn có các thuộc tính giống nhau nào khác nữa. Để khắc phục hạn chế đó, nhận thức lý tính phải vươn lên hình thức nhận thức suy luận.

+ Suy luận: là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìmra tri thứcmới.Thí dụ, nếu liên kết phán đoán "đồng dẫn điện" với phán đoán"đồng là kim loại" ta rút ra được tri thức mới "mọi kim loại đều dẫn điện". Tùy Theo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơn nhất, đặc thù và phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quy nạp hay diễn dịch.

-Do đó Lênin Viết :’’Từ Trực Quan Sinh Động Đến Tư Duy Trừu Tượng Và Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là Con Đường Biện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại Khách Quan’’

\*Ý nghĩa: tất cả các tri thức mới mà con người có được trong quá trình hoạt động thực tiễn đều phải được quay lại kiểmnghiem thông hoạt động thực tiễn.

**Câu 14: Phân tích nội dung quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX? Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào trong thời kỳ đổi mới ?**

\*Các khái niệm:

-Phương thức sản xuất: dùng để chỉ những cách thức con người sử dụng để tiến hành quá trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, tri thức,… của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,…)

-Quan hệ sản xuất: là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất

-Kết cấu của quan hệ sản xuất: gồm quan hệ sở hữu với tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất, quan hệ trong phân phối, kết quả của quá trình sản xuất đó.

\*Nội dung quy luật:

-Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là 2 mặt cơ bản tất yếu của quá trình sản xuất, tồn tại trong tính thống nhất với nhau, quyết định lẫn nhau, trong đó lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trình sản xuất, còn quan hệ xã hội là ‘’hình thức xã hội’’ của quá trình đó. Tương Ứng với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ đó trên cả 3 phương diện: sử hữu tư liệu sản xuất, tổ chức – quản lý quá trình sản xuất và phân phối kết quả của quá trình sản xuất.

-Mối quan hệ thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tuân theo tính tất yếu khách quan : trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định quan hệ sản xuất với tư cách là hình kinh tế- xã hội của quá trình sản xuất, luôn có khả năng tác động lại sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất, sự tác động này theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

-Do nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội, quan hệ sản xuất phát triển thành quan hệ sản xuất mới để phù hợp với lực lượng sản xuất mới,do đó tạo ra 1 phương thức sản xuất mới.

-Quá trình này liên tục diễn ra, lặp đi lặp lại, làm cho xã hội vận động, phát triển từ thấp đến cao.

Nâng cao trình độ người lao động bằng cách phát triển bộgiáodụcđàotạo đặc biệt là đào tạo nghề. Nâng cao chất lượng hiệu quả bộgiáodụcđàotạo nghề, nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.

\*Đảng cộng sản việt nam đã vận dụng quy luật này như sau

-Hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để hoàn thiện quan hệ sản xuất.

-Tăng cường những bước cơ bản về cơ sở vật chất cho khoa học–công nghệ, tập trung xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt trìnhđộ tiên tiến trong khu vực trên các lĩnh vực công nghệ trọng điểm như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, hóa dầu….

- Về quản lý, trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chính sách đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy tính tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực

**Câu 15 : Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã vận dụng mối quan hệ này như thế nào tr ong thời kỳ đổi mới?**

• Khái niệm tồn tại xã hội là phương diện sinh hoạt vật chất & những điều kiện sinh hoạt vật chất trong XH.  
- Kết cấu: Tồn tại xã hội bao gồm phương thức sản xuất, điều kiện địa lý và dân số. Trong đó PTSX giữ vai trò quyết định

• Khái niệm ý thức xã hội: là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, ...) nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.

- Kết cấu ý thức xã hội:

+ Căn cứ vào lĩnh vực phản ánh : gồm ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức triết học, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức nghệ thuật, ý thức khoa học.

+ Căn cứ vào trình độ phản ánh: gồm ý thức XH thông thường và ý thức lý luận

+ Căn cứ vào tính tự phát hay tự giác của qua trình phản ánh, người ta chia thành tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội

- Ý thức xã hội thể hiện thông qua ý thức cá nhân: Ý thức cá nhân là thế giới tinh thần của mỗi con người cụ thể

- Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội:  
+ Ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội và mọi sự thay đổi của ý thức XH đều do tồn tại XH quyết định, khi TTXH thay đổi thì YTXH cũng thay đổi theo.  
- YTXH tác động ngược trở lại TTXH theo 2 hướng :  
+ YTXH phản ánh đúng TTXH sẽ thúc đẩy TTXH phát triển.  
+ Ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển TTXH nếu không phù hợp.

++tính độc lập tương đối

1. thứ nhất: ý thức xã hội luôn lạc hậu so với tồn tại xã hội:  
-ytxh thường tồn tại lâu hơn những điều kiện vật chất sinh ra nó  
-ytxh thường phát triển chậm hơn tồn tại xã hội, nó không đáp ứng kịp thời cuộc sống.  
Nguyên nhân: + ytxh là cái phản ánh tồn tại xã hội nên nó có sau tồn tại xã hội  
+ do sức manhk của ptuc-tquan, truyền thống cũng như do tính bảo thủ của một số hình thái ytxh. Mặt khác ttxh có tính biến đổi nhanh, ytxh ko thể phản ánh kịp.  
2. thứ 2: Ý thức xã hội có thể vược trước tồn tại xã hội. Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng con người, đặc biệt là các tư tưởng khoa học, tiên tiến có thể vượt trước tồn tại xã hội.  
3. thứ 3: ytxh có tính kế thừa trong sự phát triển: ytxh của thời đại sau bao giờ cũng kế thừa ytxh của thời đại trước. Tính kế thừa đó làm cho ls ytxh diễn ra liên tục.  
4/ Thứ 4: Sự tác động qua lại giữa các hình thái ytxh:  
- ytxh tồn tại dưới nhiều hình thức, giữa chúng có sự tác động qua lại, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của nhau.  
- Bên cạnh ảnh hưởng quyết định của chính trị và triết học đối với các hình thái khác,trong mỗi giai đoạn lịch sử lại có một hình thái có vai trò nổi bật riêng.  
5. Thứ 5: sự tác động qua lại lẫn nhau giữa ytxh và tồn tại xh: nếu ytxh phản ánh kịp thời và đúng đắn tồn tại xã hội thì sẽ thúc đẩy tồn tại xã hội phát triển và ngược lại.

gược lại sẽ kìm hãm sự phát triển TTXH nếu không phù hợp.

* Sự vận dụng của ĐCSVN (0,5 đ)

+ Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật vật chất của xã hội

+ Phát triển đời sống tinh thần xã hội (giáo dục, khoa học, đạo đức, pháp quyền…)

**Câu 16: Tại sao nói quần chúng nhân dân là lực lượng sáng tạo chân chính ra lịch sử? Phê phán những quan điểm sai lầm về vấn đề này?**

Khái niệm quần chúng nhân dân:

- khái niệm: là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, tầng lớp và các giai cấp, liên kết lại thành một tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định  
- Lực lượng cơ bản gồm:  
+ Những người lao động sản xuất ra vật chất và các giá trị tinh thần.  
+ Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức, bóc lột, đối kháng với nhân dân.  
+ Những giai cấp, tầng lớp xã hội thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử:

- Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử:  
+ Họ là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội.  
VD: Con người không ngừng sản xuất tạo ra các mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống như lúa, rau và các loại thực phẩm khác. Ngoài ra, con người ngày càng sáng tạo ra các phát minh tiên tiến giúp cho xã hội loài người ngày càng phát triển.  
+ Họ là những người sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần.  
VD: Toàn dân Việt Nam luôn nhớ đến ngày mùng 10/3 âm lịch hàng năm. Nhiều người gần xa tập trung về tỉnh Phú Thọ để viếng thăm và tỏ lòng biết ơn công lao của các vị vua Hùng. Đây là truyền thống "uống nước nhớ nguồn" được giữ gìn bao đời nay đó là giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân ta.  
+ Họ là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội.  
VD: Chiến tranh toàn dân bảo vệ đất nước thời Tây Sơn được phát triển từ cuộc khởi nghĩa nông dân chống áp bức phong kiến thành cuộc chiến tranh toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn này chính là cuộc khởi nghĩa của nhân dân, do nhân dân và từ nguyện vọng của nhân dân  
- Vai trò của quần chúng nhân dân không bao giờ có thể tách rời vai trò cụ thể của mỗi cá nhân mà đặc biệt là vai trò của các cá nhân ở vị trí lãnh tụ.  
- Lãnh tụ: là những cá nhân kiệt sức do phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân tạo nên, mật thiết với quần chúng nhân dân.  
- Vai trò của lãnh tụ:  
+ Tích cực: sẽ đẩy nhanh tiến trình lịch sử khi đưa ra đường lối đúng đắn  
VD: Thắng lợi của cách mạng tháng 8/1945 là sự kết hợp chặt chẽ đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng với trí sáng tạo, tinh thần dũng cảm và sức mạnh đấu tranh của nhân dân ta. Nếu Đảng tiên phòng không chuẩn bị đầy đủ, không kịp thời chớp lấy thời cơ thì dù điều kiện khách quan có thuận lợi đến đâu thì cách mạng cũng không nổ ra được.  
+ Tiêu cực: Sẽ kìm hãm tạm thời tiến trình lịch sử khi đưa ra đường lối sai lầm  
VD: sau 1975, chiến tranh kết thúc, cơ chế quan liêu bóc lột những bất cập. Sự kéo dài cơ chế " quan liêu bao cấp " và duy trì quá lâu chính sách kinh tế lạc hậu gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng: đời sống nhân dân khó khăn, hàng hóa " mua như cướp, bán như cho ", sản xuất bị trì trệ, hàng lậu tràn lan, tham nhũng quan liêu trở nên phổ biến.  
+ Phụ thuộc vào: phẩm chất và khả năng thực hiện các nhiệm vụ của lãnh tụ.  
- Quan hệ giữa quần chúng nhân dân với lãnh tụ:  
+ Quần chúng nhân dân và lãnh tụ thống nhất trong mục đích và lợi ích của mình.  
+ sự khác biệt giữa quần chúng nhân dân và lãnh tụ biểu hiện trong vai trò khác nhau của sự tác động đến lịch sử.  
+ Không có phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân thì không thể có lãnh tụ. Không có lãnh tụ thì phong trào của quần chúng nhân dân sự mất phương hướng.

Phê phán quan điểm sai lầm: (1 đ)

+ Quan điểm Duy tâm (KQ, CQ)

+ Quan điểm Tôn giáo, thần học

**Câu hỏi 4 điểm**

Câu 1(4 điểm): Tại Sao Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

\*Định Nghĩa Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:

-Ăng Ghen ‘’Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Đặc Biệt Triết Học Hiện Đại Là Vấn Đề Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại ‘’

-Hai Mặt Trong Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:

+Mặt Thứ Nhất: Mối Quan Hệ Giữa Vật Chất Và Ý Thức

+Mặt Thứ Hai: Con Người Có Khả Năng Nhận Thức Được Thế Giới Hay Không

\*Tại Sao:

-Đây Là Vấn Đề Rộng Nhất,Chung Nhất Đóng Vai Trò Là Nền Tảng, Định Hướng Để Giải Quyết Vấn Đề Khác.

-Các Trường Phái Triết Học Đều Trực Tiếp/Gián Tiếp Đi Vào Giải Thích Về Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Trước Khi Đi Vào Các Quyết Định Của Mình.

-Việc Quyết Định Mối Quan Hệ Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Cơ Sở Xuất Phát Cho Các Quyết Định Triết Học Nảy Sinh.

-Việc Quyết Định Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Tính Chất Khách Quan Khoa Học Để Phá Địch Lập Trường Tư Tưởng Triết Học Của Các Nhà Triết Học Trong Lịch Sử.

Câu 2: Có thể đồng nhất chất của sự vật với thuộc tính của sự vật được không? Tại sao?

Chất là một phạm trù [triết học](https://hocluat.vn/triet-hoc/) dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ giữa các [thuộc tính](https://hocluat.vn/wiki/thuoc-tinh/), các yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng, làm cho sự vật là nó mà không phải là cái khác.

Thuộc tính chỉ những đặc điểm, tính chất chung của sự vật hiện thượng

- Lý giải tại sao (2 điểm)

+ Chất không bao hàm tất cả các thuộc tính

+ Chỉ bao hàm thuộc tính cơ bản

+ Sự vật gồm nhiều chất

+ Sự phân biệt chất thuộc tính mang tính tương đối

Câu 3: Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động bản năng của động vật và hoạt động của người máy ( rô bốt).

Bản chất của ý thức:

1. Ý thức là sự phản ánh, cái phản ánh, còn vật chất là cái được phản ánh.

2. Ý thức là sự phản ánh có tính chủ động, năng động, sáng tạo.

Con người là một thực thể xã hội năng động, sáng tạo.

Tính năng động, sáng tạo của ý thức được thể hiện ra rất phong phú.

3. Ý thức là quá trình phản ánh đặc biệt, là sự thống nhất của 3 mặt sau:

4. Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội.

- Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động bản năng của động vật.( 1.5đ)

+ Hoạt động có ý thức của con người P/A thế giới khách qua thông qua lao động nhằm cải tạo thế giới theo nhu cầu con người. Còn hoạt động bản năng của động vật hình thành do tính chất và quy luật sinh học chi phối.

+ Con người biết chế tạo công cụ lao động. Không chỉ sử dụng những vật liệu sẵn có trong tự nhiên mà còn sản xuất ra của cải không chỉ có trong tự nhiên . Con vật tồn tại nhờ vào vật phẩm sẵn có trong tự nhiên.

+ Hoạt động có ý thức của con người là hoạt động có mục đích, sáng tạo, có kế hoạch .... hoạt động của con vật phụ thuộc vào tự nhiên, thụ động không có sự sáng tạo.

-Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động của người máy ( rô bốt)( 1.5đ)

+ Ý thức mang bản chất xã hội đây là sự khác biệt cơ bản

+ Người máy hoạt động theo nguyên tắc và chương trình do con người xây dựng. Bản thân máy móc không hiểu được kết quả hoạt động của nó có ý nghĩa gì.

+ Máy không thể phản ánh sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần như hoạt động ý thức của con người. Người máy chỉ là công cụ giúp con người hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn trong hoạt động thực tiễn.

Câu 4 : Tính vượt trước của ý thức xã hội so với Tồn tại xã hội? Ý nghĩa của nó trong việc xây dựng đời sống tinh thần ở Việt Nam hiện nay?

Ý thức xã hội là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội, bao gồm những quan điểm, tư tưởng cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống… nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.

- Tính vượt trước:(2đ)

+ Trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định, tư tưởng con người \_ đặc biệt là tư tưởng tiên tiến khoa học có thể vượt trước sự phát triển tồn tại xã hội, dự báo tương lai,có tác dụng tổ chức chỉ đạo hoạt động thực tiễn.......ví dụ

+ Sự vượt trước của YTXH chỉ có tác dụng khi nó phản ánh đúng những mối liên hệ bản chất, tất yếu, khách quan của TTXH.

+ YTXH có khả năng vượt trước TTXH là do YTXH có tính độc lập tương đối, có khả năng phát huy tính sáng tạo trong quá trình phản ánh TTXH.

-Ý nghĩa: (1đ)

+ YTXH mới đòi hỏi phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực của YTXH; phát huy nhân tố con người.

+Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện Đảng ta chủ trương : lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững. Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, tài trí ......

+Tính vượt trước của YTXH đòi hỏi khắc phục triệt để bệnh bảo thủ, trì trệ, thái độ tiêu cực thụ động, thiếu sáng tạo trong cuộc sống.

Câu 5: Tại sao nói, trong các hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất?

- Thực tiễn ( Định nghĩa, tính chất, các hình thức) (2đ)

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

- Tại sao? (2đ)

+ Sản xuất vật chất là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã loài người

+ Sản xuất vật chất là cơ sở hình thành nên các quan hệ xã hội

+ Sản xuất vật chất là cơ sở sáng tạo ra toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội

+ Sản xuất vật chất là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra bản thân con người

+ SXVC là cơ sở cho sự tồn tại của các hình thức thực tiễn khác cũng như các hoạt động sống khác của con người

Câu 6: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào giữ vai trò quyết định nhất? Tại sao?

- Người lao động là yếu tố giữ vai trò quyết định nhất

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, tri thức,… của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,…)

Tại sao:

+ Người lao động là lực lượng cơ bản sáng tạo ra công cụ lao động và trực tiếp sử dụng công cụ lao động đê tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Các giá trị và hiệu quả thực tế của công cụ lao động phụ thuộc vào trình độ thực tế sử dụng và sáng tạo của người lao động.

+ Người lao động là chủ thể của quá trình sản xuất, quyết định tới mục đích, nhiệm vụ, phương hướng ,quy mô, trình độ, năng suất, hiệu quả… của quá trình sản xuất.

+ Cùng với quá trình lao động sản xuất, sức mạnh và kỹ năng lao động của con người ngày càng tăng lên, đặc biệt là hàm lượng trí tuệ và làm cho họ trở thành yếu tố quyết định của lực lượng sản xuất xã hội .

Câu 7: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào động nhất, cách mạng nhất? Tại sao?

-CCLĐ là yếu tố động nhất, cách mạng nhất

-LLSX ( Định nghĩa, Kết cấu LLSX) (2 đ)

-Lý giải tại sao? (2 đ)

+ Công cụ lao động là yếu tố mà con người luôn tìm cách cả tiến và phát minh mới không ngừng nhằm thỏa mãn những nhu cầu của con người trong sản xuất: tăng năng suất lao động nhưng giảm thời gian lao động, giảm công sức lao đông…

+ Là yếu tố cách mạng vì sự thay đổi, phát triển của nó khiến LLSX phát triển không ngừng, kéo theo sự thay đổi QHSX, từ đó làm thay đổi PTSX

Câu 8: Tại sao khoa học là LLSX trực tiếp của xã hội hiện nay? Cho ví dụ ?

- LLSX ( Định nghĩa, Kết cấu LLSX) (2 đ)

- Lý giải tại sao? Ví dụ (2 đ)

+ Khoa học trực tiếp sản xuất ra các loại hàng hoá đặc biệt, như phát minh; sáng chế; quy trình công nghệ và trở thành ngành sản xuất với đầu tư ngày càng tăng.

+ Khoa học ngày càng thâm nhập sâu vào mọi thành tố của LLSX, trở thành mắt khâu bên trong của quá trình sản xuất, là nguyên nhân của mọi biến đổi trong sản xuất:

+ Khoa học đi vào hợp lý hoá quá trình tổ chức, quản lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

+Phát minh khoa học làm xuất hiện những ngành sản xuất mới, những máy móc thiết bị mới, công nghệ mới, nguyên vật liệu mới, năng lượng mới.

+Tri thức khoa học giúp phát triển trí lực của người lao động hiện đại, tạo ra những năng lực lao động, kỹ xảo lao động và tri thức quản lý cho người lao động.

Câu 9: Phân tích sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình và ý nghĩa của hai phương pháp tư duy đó.

-Phương pháp biện chứng (Sơ lược LS hình thành, phát triển; Bản chất và ý nghĩa) (2 điểm)

-Phương pháp siêu hình (Sơ lược LS hình thành, phát triển; Phân tích bản chất và ý nghĩa) (2 điểm)

Câu 10: Tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội? Cho ví dụ chứng minh?

- Định nghĩa: TTXH & YTXH (1 đ)

- Lý giải tại sao? (3 nguyên nhân dẫn đến sự lạc hậu của YTXH) (1,5đ)

- Ví dụ và lý giải (1,5đ)

\*Khái Niệm Tồn Tại Xã Hội : Là Phương Diện Sinh Hoạt Vật Chất Và Những Điều Kiện Sinh Hoạt Vật Chất Trong Xã Hội.

\*Kết Cấu : Tồn Tại Xã Hội Bao Gồm Phương Thức Sản Xuất, Điều Kiện Địa Lý Và Dân Số.

\*Khái Niệm Thức Xã Hội: Là Phương Diện Sinh Hoạt Tinh Thần Của Xã Hội ( Bao Gồm Quan Điểm, Tư Tưởng, Tình cảm,…), Nảy Sinh Trong Xã Hội Và Phản Ánh Tồn Tại Xã Hội Trong Giai Đoạn Phát Triển Nhất Định.

\*Ý Thức Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn Tồn Tại Xã Hội Vì:

-Ý Thức Xã Hội Là Cái Phản ánh Tồn Tại Xã Hội Nên Nó Có Sao Tồn Tại Xã Hội.

-Do Sức Mạnh Của Phong Tục, Tập Quán, Truyền Thống Cũng Như Tính Bảo Thủ Của Một Số Hình Thái Ý Thức Xã Hội, Mặt Khác Tồn Tại Xã Hội Có Tính Biến Đổi Nhanh, Ý Thức Xã Hội Không Phản Ánh Kịp Thời.

-Ý Thức Xã Hội Luôn Gắn Với Lợi Ích Của Những Giai Cấp Nhất Định.Vì vậy những tư tưởng lạc hậu thường được các lực lượng xã hội Lưu Trữ Và Truyền Bá Nhằm Chống Lại Những Lực Lượng Xã Hội Tiến Bộ.

\*Ví Dụ: Một Số Vùng Quê Ở Việt Nam Tuy Điều Kiện Kinh Tế Phát Triển Nhưng Vẫn Còn Phong Tục, Tập Quán Lạc Hậu Như: MạC hay, Tảo Hôn,…